

VỐN XÃ HỘI TRONG QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN NƯỚC TA HIỆN NAY

NGUYỄN THỊ ANH TUYẾT*

1. Đặt vấn đề

Nông thôn Việt Nam có vai trò đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của cả nước. Theo số liệu thống kê, đến năm 2010 dân số khu vực nông thôn là 60,92 triệu người, chiếm 70,1% dân số cả nước. Khu vực này đang thực sự chuyển mình và có những bước tiến ấn tượng về kinh tế - xã hội. Đời sống vật chất và tinh thần ngày càng được nâng lên, giảm tỷ lệ nghèo đói, việc tiếp cận các dịch vụ y tế, giáo dục, văn hóa được mở rộng.v.v. kể từ khi thực hiện chính sách Đổi mới (1986) nói chung và cơ chế Khoán 10 nói riêng. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển của khu vực này, những vấn đề kinh tế-xã hội tiếp tục nảy sinh như chênh lệch giàu nghèo, ô nhiễm môi trường. Ngoài ra, về mặt văn hóa-xã hội cũng có nhiều biến đổi như các giá trị văn hóa truyền thống bị suy giảm, các quan hệ xã hội thay đổi v.v... Vấn đề đặt ra hiện nay là tìm các giải pháp về mặt xã hội bên cạnh các giải pháp khác giúp cho khu vực nông thôn phát triển một cách bền vững, đồng thời giữ được những bản sắc văn hóa vốn có.

Kinh nghiệm từ các quốc gia phát triển cho thấy, sử dụng và phát huy tốt nhân tố vốn xã hội ở khu vực này tỏ ra rất hiệu quả bởi đây được xem là nơi “giàu có” nguồn “tài nguyên” vốn được duy trì và đúc kết qua nhiều thế hệ. Trong lịch sử phát triển của mình, bản thân khu vực nông thôn Việt Nam đã phát huy tích cực vai trò vốn xã hội nhằm duy trì ổn định, trật tự và phát triển của hệ thống. Tuy nhiên, để gọi tên và đưa vào các chiến lược, kế hoạch phát triển thì gần đây các nhà khoa học, nhà quản lý mới thực sự quan tâm hơn về vai trò của vốn xã hội. Bài viết này làm rõ những nội dung liên quan đến bản chất, các dạng thức tồn tại của vốn xã hội ở khu vực nông thôn, đồng thời đề xuất việc vận dụng và phát huy lĩnh vực này trong vấn đề quản lý và phát triển nông thôn hiện nay.

2. Những đặc trưng của vốn xã hội ở nông thôn Việt Nam

2.1. Thế nào là vốn xã hội?

Khái niệm vốn xã hội được định nghĩa và hiểu từ nhiều góc độ khác nhau: kinh tế, xã hội học, văn hóa học, chính trị học v.v... Đây là khái niệm phức tạp đa chiều (Nguyễn Văn Tuấn, 2009). Điều này được thấy rất rõ trong các tài liệu nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển khái niệm cũng như các lý thuyết liên quan đến vốn xã hội của các học giả nổi tiếng trên thế giới. Có thể kể tên một số tác giả nổi tiếng thường được nhắc đến trong các công trình nghiên cứu như Hanifan (1916), Putnam (1993), Coleman (1988),

* ThS, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Bourdieu (2001) và nhiều nhà nghiên cứu khác. Sự đa dạng về cách tiếp cận cho thấy vốn xã hội là một lĩnh vực quan trọng, phức tạp và ẩn chứa nhiều giá trị khai thác từ nhiều phía: giá trị kinh tế, giá trị xã hội, giá trị văn hóa. Tác giả không đi vào lịch sử và phân tích khái niệm vốn xã hội mà kế thừa các định nghĩa về nó và vận dụng vào trường hợp phân tích vốn xã hội ở khu vực nông thôn Việt Nam hiện nay¹. Từ cách tiếp cận xã hội học mà gần nhiều hơn với cách xem xét của Coleman và Pierre Bourdieu, có thể hiểu vốn xã hội là *một loại vốn được thể chế/cấu trúc hóa từ các quan hệ liên cá nhân, quan hệ mạng lưới xã hội. Vốn xã hội được tạo bởi những thay đổi, có khả năng thúc đẩy các cá nhân, nhóm xã hội hành động trong cấu trúc các mối quan hệ xã hội.*

Như vậy, vốn xã hội được hình thành trên cơ sở các tương tác cá nhân, nhóm xã hội, có tính chất mạng lưới xã hội, tức là các quan hệ mới được xác lập mang theo nó những giá trị, chuẩn mực và cấu trúc quan hệ và nó trở thành một nguồn “tài nguyên” có thể mang lại những lợi ích, giúp cho các cá nhân, nhóm xã hội thực hiện các hành động thông qua việc khai thác các giá trị của các quan hệ mới đó.

2.2. Vốn xã hội ở nông thôn Việt Nam

Các đặc trưng và hình thức biểu hiện

Các học giả nghiên cứu về cơ bản đều thống nhất ở chỗ cấu trúc của vốn xã hội bao gồm: 1) Niềm tin, sự tin cậy lẫn nhau; 2) Sự tương hỗ, có đi có lại, dựa trên các quy tắc, các hành vi mẫu mực, các chế tài; và 3) Kết hợp với nhau thành mạng lưới xã hội. Vốn xã hội nằm trong các quan hệ của con người, nó khác với vốn vật chất, các tài sản hữu hình chẳng hạn như vốn kinh tế, và nó cũng khác với vốn văn hóa, vốn con người. Mặc dù vậy, để đánh giá các hình thức vốn xã hội là cao hay thấp, vượt trội hay không vượt trội thì các nhà khoa học đã và đang tiệm cận hơn với bộ tiêu chí nhằm để đo lường, đánh giá các đặc trưng này (Nguyễn Văn Tuấn, 2009).

Có thể thấy rằng, trong cộng đồng xã hội ở nông thôn Việt Nam mang đầy đủ các đặc trưng của vốn xã hội nói trên.

Thứ nhất, thể hiện ở *sự tin cậy, niềm tin trong cộng đồng ở mức độ cao*. Chỉ nhìn vào các làng, xã ở nông thôn có thể thấy rằng việc phân định ranh giới giữa các gia đình chỉ bằng các hàng rào đơn giản như cây tre hoặc khóm cây, khác hẳn với khu vực đô thị là những bức tường cao, kín và được trang bị các thiết bị an ninh hiện đại. Hoặc trong các khế ước, giao kèo như vay nợ, mua bán, chuyển nhượng bằng miệng chứ ít khi sử dụng các văn bản giao dịch có tính chất pháp lý.

Thứ hai, *sự tương hỗ, có đi có lại, dựa trên các quy tắc, các hành vi mẫu mực, các chế tài*. Các đặc trưng này được thể hiện khá rõ trong các hoạt động mang tính chất tập thể của cộng đồng nông thôn hay trong quá trình tổ chức sản xuất. Đối với hoạt động tập thể như ma chay, cưới xin thì việc tương trợ lẫn nhau dựa trên nguyên tắc có đi có lại rất

¹ Các tác giả ở Việt Nam có quan tâm đến lĩnh vực vốn xã hội và có nhiều bài viết, tài liệu nghiên cứu về khái niệm và đặc trưng của loại vốn xã hội từ nhiều cách tiếp cận khác nhau như kinh tế học, xã hội học, văn hóa học, nhân học. Xem thêm: Kỷ yếu hội thảo về Vốn xã hội 2006 do Báo Tia sáng tổ chức, bài viết của các tác giả: Lê Ngọc Hùng, Nguyễn Văn Tuấn, Hoàng Bá Thịnh, Trần Hữu Quang, Trần Hữu Dũng. v.v.

rõ. Ví dụ như một gia đình có công việc (đám cưới hoặc đám ma), hàng xóm láng giềng sẽ sang trợ giúp và khi gia đình khác có những công việc như thế thì đến lượt các gia đình đã được giúp đỡ trước đó thực hiện việc hỗ trợ của mình. Trong tổ chức sản xuất nông nghiệp rất điển hình là việc “đổi công” giữa các cá nhân hay hộ gia đình nhằm tranh thủ nhân lực, tận dụng thời gian rỗi của những thành viên khác trong cộng đồng nhằm nâng cao năng suất lao động. Đối với các hành vi mẫu mực, chế tài hầu hết được dựa trên các nguyên tắc do chính người dân trong cộng đồng đưa ra tạo thành các “lệ”, “tục”, “hương ước”.v.v. nhằm điều chỉnh hành vi, lối sống của các cá nhân theo các chuẩn mực nhất định. Đặc trưng này khác hẳn với lối sống đô thị là các điều luật được thể chế hóa bằng các văn bản pháp quy. Chính do các đặc trưng này mà ở khu vực nông thôn, quan hệ giữa con người với con người hầu như được đặt trong các chuẩn mực, giá trị thể hiện rất rõ trong hành vi, ứng xử. Ví dụ các luật tục về cưới phải đóng góp gạch để xây đường làng, thôn, xóm. Hay việc đóng góp thường được tính theo suất “đình” (nam giới) trong các dòng họ để xây dựng, tu tạo và tổ chức các công việc lớn. Cùng với các chuẩn mực, giá trị nói trên là các chế tài (hình thức thưởng, phạt) đối với các cá nhân không tuân thủ.

Thứ ba, *hình thành mạng lưới xã hội trong cộng đồng*. Đây là đặc điểm khá rõ nét khi nghiên cứu về cấu trúc xã hội ở nông thôn. Các mạng lưới xã hội thể hiện ở các tổ chức tự nguyện khá đa dạng, các tổ chức này có vai trò hỗ trợ các thành viên của mình theo các lĩnh vực nhất định. Ví dụ các hội/hộ/phường nhằm giúp đỡ về mặt kinh tế, làm ăn. Các hội đồng hương/đồng học nhằm giúp đỡ về mặt tinh cảm, thăm hỏi hiếu, hỷ. Các hội khuyến học, khuyến tài giúp đỡ và động viên phát triển giáo dục, hay các tổ chức tự nguyện để hỗ trợ sản xuất. Ngoài ra, mạng lưới xã hội còn được thể hiện theo cấu trúc dòng họ, phạm vi địa lý. Bản thân mỗi cá nhân đều nằm trong các mạng lưới xã hội khác nhau, thông qua các mạng lưới này tương tác với các cá nhân khác.

Tựu chung lại, vốn xã hội ở khu vực nông thôn Việt Nam là một chủ đề nghiên cứu và khai thác sâu hơn nữa mới thấy hết các đặc trưng, dạng thức tồn tại và qua đó thấy được lịch sử hình thành và sức mạnh, giá trị của nó đối với cộng đồng nông thôn.

Biến đổi vốn xã hội ở nông thôn

Cùng với những biến đổi ở các phương diện kinh tế, xã hội, văn hóa ở khu vực nông thôn thì các hình thức vốn xã hội ở khu vực này cũng đã và đang có sự biến đổi theo. Theo cách tiếp cận của nhà xã hội học Durkheim thì những giá trị đó đang dần biến đổi và theo đó là sự biến đổi các hình thức “đoàn kết xã hội” từ “cơ giới” sang “hữu cơ”. Chẳng hạn như, nói đến khả năng *hợp tác, tương hỗ* hay khả năng *làm việc chung* với nhau xét như là một thành tố của vốn xã hội thì nhiều người vẫn thường cho rằng người Việt Nam có truyền thống hợp tác xuất phát từ trong đời sống làng xã và sinh hoạt dòng họ. Tuy nhiên, ở các khu vực nông thôn chuyển dịch cơ cấu kinh tế diễn ra mạnh hiện nay thì tinh thần hợp tác trong xã hội cổ truyền được hình thành chủ yếu dựa trên nền tảng tình cảm và dựa trên trật tự thứ bậc của cấu trúc làng xã hay dòng họ (chính vì thế mà óc hợp tác này thường mang tính chất cục bộ, bản vị, địa phương) tỏ ra không phù hợp với những yêu cầu của các tổ chức trong xã hội hiện đại vốn đòi hỏi một tinh thần hợp tác mang nét thuần lý nhiều hơn, dựa trên trật tự phân công chủ yếu căn cứ trên chức năng

của từng bộ phận của tổ chức cũng như căn cứ trên năng lực của từng cá nhân (chứ không phải dựa trên tình cảm thân tộc, đồng hương, hay dựa trên tiêu chuẩn lý lịch chẳng hạn).

Hay xét ở một đặc trưng khác của vốn xã hội ở nông thôn, đó là *lòng tin, sự tin cậy lẫn nhau* giữa các cá nhân với nhau trong nội bộ một làng xã hay một dòng họ vốn là một lợi thế, là một thành tố quan trọng của vốn xã hội trong một giai đoạn nhất định nào đó trong xã hội nông thôn cổ truyền, nhưng chuyển sang một thời kỳ phát triển mạnh mẽ hơn, khi mà các mối quan hệ giao dịch được đẩy mạnh trên qui mô lớn hơn, vượt khỏi phạm vi làng xã thì kiểu tin cậy của làng xã hay dòng họ lại có thể trở thành một thứ lực cản kìm hãm sự phát triển. Sự đoàn kết trong một cộng đồng cổ truyền hình thành chủ yếu trên nền tảng liên hệ tình cảm đồng hương, đồng tộc (huyết thống) hay tình cảm tôn giáo; trong khi đó, ở xã hội hiện đại, những định chế như làng xã, dòng họ hay cộng đồng tôn giáo không còn nữa hoặc đã phai nhạt đi nhiều, và sự đoàn kết xã hội được hình thành chủ yếu trên cơ sở của quá trình phân công lao động xã hội và quá trình dị biệt hóa của các định chế xã hội. Sự đoàn kết trong xã hội cổ truyền có bán kính hẹp, với đường biên giới đóng kín (chủ yếu hướng nội), còn sự đoàn kết trong xã hội hiện đại mang tính chất rộng rãi hơn và mở hơn. Tính đoàn kết trong xã hội cổ truyền dựa trên sự đồng dạng, nhưng trong xã hội hiện đại, tính đoàn kết xã hội lại dựa trên sự dị biệt và sự đa dạng.

Bản thân các *chuẩn mực, quy tắc ứng xử hay các giá trị* vốn được xem là bất biến trong xã hội nông thôn cổ truyền thì ngày nay cũng đang dần được nhận thức và có những biến đổi phù hợp và “khoan dung” hơn. Mặc dù vậy, so với xã hội đô thị thì đây vẫn là nơi bảo lưu và duy trì nhiều các chuẩn mực, giá trị định hướng cho các hành động, ứng xử của các cá nhân. Đây chính là yếu tố quan trọng giúp cho xã hội nông thôn Việt Nam hiện nay vẫn có được sự ổn định, bền vững trong các quan hệ xã hội.

Mặc dù có sự biến đổi nhất định trong đặc trưng, hình thức liên kết của cấu trúc vốn xã hội ở khu vực nông thôn nhưng qua đây cho thấy vốn xã hội không phải là bất biến mà luôn vận động, biến đổi phù hợp với các khuôn mẫu và cấu trúc xã hội. Sự khác biệt trong hình thức tương tác sẽ dẫn đến sự thay đổi trong hình thức liên kết giữa các cá nhân và hình thành một kiểu vốn xã hội đặc trưng. Thứ vốn này tiếp tục trở thành nguồn tài nguyên quan trọng giúp cho các cá nhân, cộng đồng mang lại các lợi ích nhất định.

3. Vốn xã hội trong quản lý và phát triển nông thôn Việt Nam

3.1. Mô hình quản lý nông thôn dựa vào vốn xã hội

Quản lý và phát triển nông thôn Việt Nam theo mô hình và bằng các giải pháp nào hiện đang là một bài toán chưa có lời giải đáp thỏa đáng đối với các nhà quản lý xã hội. Mặc dù thời gian qua đã có được nhiều thành tựu to lớn ở khu vực nông thôn, đóng góp vào sự phát triển chung của cả nước nhưng bên cạnh đó cũng đã và đang nảy sinh nhiều vấn đề. Gần đây, phong trào xây dựng nông thôn mới được đặt ra nhằm mục đích phát triển khu vực này theo hướng toàn diện các mặt và bền vững²

² Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 gồm 19 bộ tiêu chí đề cập khá toàn diện các lĩnh vực phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội - hạ tầng.v.v. ở khu vực nông thôn (Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới).

thì vấn đề quản lý và phát triển nông thôn lại càng đặt ra cấp bách nhằm thực hiện các mục tiêu nói trên.

Ở khía cạnh phát triển kinh tế, cả hai giải pháp “sự tự do hóa thị trường” và “can thiệp hành chính của nhà nước” đều mang đến những hiệu quả không cao hoặc có thể dẫn đến thất bại. Bởi như phân tích ở trên, đặc trưng của xã hội nông thôn Việt Nam dù đã có những đổi thay nhưng còn mang những nét đặc trưng của cộng đồng làng xã, do vậy phát triển kinh tế chỉ thuần túy dựa vào cơ chế thị trường sẽ khó thành công bởi các quan hệ xã hội vốn có vẫn tiềm ẩn sức mạnh mà lực lượng thị trường chưa thể thay thế.

Còn ở góc độ xã hội, nông thôn là một xã hội điển hình với cấu trúc các quan hệ và mạng lưới xã hội dựa trên quan hệ tình cảm, thân tộc, làng xã nên việc vận dụng các biện pháp quản lý mà không tính đến những đặc trưng này sẽ rất khó đạt hiệu quả. Bên cạnh đó, vốn là nơi sinh ra và tồn tại nhiều “lệ”, các chuẩn mực riêng của cộng đồng cư dân nông nghiệp nên sự can thiệp “hành chính” bằng luật pháp cũng không thể một sớm một chiều thay đổi các hành vi cũng như nhận thức cổ hủ của cộng đồng nông thôn.

Từ kinh nghiệm phát triển của các nước công nghiệp ở Châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore cho thấy các quốc gia này dựa trên nền tảng các giá trị văn hóa, cách ứng xử của từng dân tộc cùng với triết lý phát triển của họ đã phần nào làm rõ được văn hóa, nguồn vốn xã hội của từng dân tộc có tác động như thế nào đối với sự phát triển của họ. Điều này gợi ra rằng, các khuôn mẫu ứng xử và chuẩn mực của các dân tộc không phải là đồng nhất và nó sẽ trở thành một nguồn lực nội sinh rất lớn nếu những người lãnh đạo có thể tạo ra môi trường tốt để phát huy.

3.2. Vai trò của vốn xã hội trong quản lý và phát triển nông thôn

Từ phương diện lý luận và thực tiễn về vốn xã hội cho thấy đây là một lĩnh vực có tầm quan trọng đối với sự phát triển của các quốc gia, vùng lãnh thổ hay một địa phương. Cùng với nhiều mô hình, giải pháp cùng tham gia vào lĩnh vực quản lý và phát triển nông thôn khác, việc vận dụng và phát huy vai trò của vốn xã hội cần được xem xét như là một mô hình/phương cách tiếp cận góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững ở khu vực này. Sau đây bài viết đề cập đến một số nội dung liên quan đến quản lý và phát triển nông thôn mà ở đó vốn xã hội phát huy được tiềm lực của mình.

Vốn xã hội trong xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế

Vốn xã hội có tác động tích cực và rõ rệt trong những cộng đồng nghèo nói riêng và vùng nông thôn nói chung vì nó được xác định như là yếu tố thúc đẩy cho việc sử dụng hiệu quả các nguồn vốn tài chính và tài nguyên thiên nhiên. Điều này được thể hiện rõ nhất thông qua việc xây dựng mối quan hệ đối tác giữa các cá nhân người nghèo, giữa cá nhân với các nhóm, tổ chức khác trong việc hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau xây dựng và thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế. Cần phải khẳng định vai trò rất lớn của các tổ chức tôn giáo, các tổ chức phi chính phủ hoặc các dự án, đặc biệt là dự án dành cho người nghèo trong việc hình thành và phát triển mạng lưới xã hội. Hầu hết các chương trình dự án khi triển khai cần phải quan tâm đến việc tham khảo ý kiến của người dân. Minh bạch hóa các thông tin có thể giúp cho họ có cơ hội tiếp cận các nguồn lực mà các dự án đem

lại nhất là đối với các dự án hoạt động ở lĩnh vực tài chính vi mô trong phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo.

Ở một khía cạnh khác, khi hợp tác xã nông nghiệp bị giải thể và nền kinh tế chuyển sang cơ chế thị trường thì người dân gặp rất nhiều khó khăn. Họ không chỉ thiếu vốn, thiếu công cụ, thiếu kinh nghiệm sản xuất mà còn thiếu cả nguyên vật liệu đầu vào và tiêu thụ sản phẩm đầu ra. Do vậy mà ở một số vùng đang hình thành nhiều tổ chức nông dân để tự thực hiện lấy các dịch vụ mà nhà nước và thị trường không cung cấp được cho nông dân. Các hợp tác xã kiểu mới đang xuất hiện nay phần nhiều chưa có quy chế thực đúng với bản chất của loại hình tổ chức kinh tế mang tính xã hội, thay vào đó là sự ảnh hưởng rất lớn của tinh thần cộng đồng làng xã cổ truyền giúp cho các tổ chức đó hoạt động mang lại hiệu quả và lợi ích cho các thành viên.

Chỉ lấy ví dụ điển hình là chơi hội/phường ở nông thôn (bằng thóc hay tiền), các hình thức mừng tiền trong cưới xin, tiền phúng viếng trong tang lễ, các quan hệ giữa các hộ nông dân của một làng hay liên làng trong việc phân chia nguồn nước... cho thấy đều là các mối quan hệ của các mạng lưới mang lại lợi ích xã hội, giảm bớt khó khăn về kinh tế. Hay ở các làng nghề, nguồn vốn xã hội đã giúp cho người làm nghề thủ công có thể giảm được các chi phí giao dịch khi họ có thể được cung cấp hàng hóa đầu vào và tiêu thụ sản phẩm đầu ra trên cơ sở của mạng lưới những người có nguồn gốc từ cộng đồng. Bên cạnh đó là các hiệp hội nghề nghiệp với sự liên kết tự nguyện của các nhóm hộ gia đình cũng hoạt động chung trong một lĩnh vực đã giúp cho họ có thể giảm bớt khó khăn trong tiếp cận thị trường.

Vốn xã hội duy trì ổn định, trật tự xã hội

Vốn xã hội là các quy tắc, các hành vi mẫu mực và các chế tài giúp cho các cá nhân trong cộng đồng tuân theo và tạo sự đồng thuận xã hội trong hành động. Theo đó, xã hội nông thôn truyền thống vốn được quản lý dựa trên các hương ước, quy tắc, tục lệ đã hình thành một cộng đồng ổn định, sự cố kết xã hội ở mức cao, trật tự xã hội được duy trì. Và, đây chính là điều mà trong xã hội nông thôn hiện nay cần tiếp tục phát huy nguồn vốn quan trọng này bởi chính các chuẩn mực, quy tắc nói trên hoàn toàn không trái pháp luật mà vẫn đảm bảo lợi ích và sự phát triển xã hội.

Vai trò của vốn xã hội trong khía cạnh này còn thể hiện ở chỗ do các quy tắc, chuẩn mực được cộng đồng xây dựng nên và được trải nghiệm trong thực tế thời gian lâu dài nên tính bền vững và ổn định cao. Do vậy, các hành động, chuẩn mực ngoại lai không phù hợp thông thường sẽ khó chấp nhận. Do vậy, một mặt bản thân vốn xã hội duy trì những nguyên tắc, chuẩn mực, nhưng mặt khác có thể dẫn đến làm trì trệ sự phát triển. Tuy nhiên, tùy thuộc vào bối cảnh và sự lựa chọn chính sách quản lý mà việc vận dụng, phát huy vốn xã hội ở chừng mực phù hợp để đảm bảo giữa mục tiêu phát triển và duy trì sự ổn định của xã hội. Một điều dễ nhận thấy, ở những nơi có tính cố kết cộng đồng cao thì các hiện tượng như trộm cắp, tệ nạn xã hội ít xảy ra hơn ở những nơi sự cố kết cộng đồng thấp. Qua đây cho thấy những xã hội dựa trên các quan hệ tình cảm, gắn gũi khó chấp nhận những văn hóa khác biệt và luôn có xu hướng duy trì các khuôn mẫu sẵn có.

Vốn xã hội tham gia bảo vệ môi trường

Vốn xã hội thể hiện qua những quy tắc, chuẩn mực của cộng đồng quy định các hành vi của các cá nhân trong cộng đồng đó. Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở khu vực nông thôn, các cộng đồng đã có những quy định hay hương ước, góp phần quan trọng vào bảo vệ môi trường. Những "luật tục" đó của các cộng đồng, trong nhiều trường hợp, có tác động trực tiếp hơn và hiệu quả hơn chính sách của Nhà nước trong công tác bảo vệ môi trường. Vốn xã hội còn góp phần quan trọng trong việc đấu tranh chống ô nhiễm môi trường. Hiện nay tại nhiều địa phương, người dân đang tỏ ra quan ngại sâu sắc về ô nhiễm môi trường do các cơ sở sản xuất, làng nghề có chất thải gây ô nhiễm. Chính nguồn vốn xã hội cao trong cộng đồng đã giúp cho người dân có tiếng nói trọng lượng hơn đến các cơ quan chức năng, và họ cũng tự tin hơn trong việc chống lại các hành vi gây ô nhiễm môi trường, vi phạm Luật Bảo vệ môi trường. Vốn xã hội chính là một nguồn lực hỗ trợ cộng đồng trong bảo vệ môi trường (Nguyễn Quang Tuấn, 2008). Ở nhiều vùng nông thôn cả nước, mô hình "làng xóm tự quản" đối với khu vực sinh sống về bảo vệ môi trường, duy trì cảnh quan xanh-sạch-đẹp tỏ ra rất hiệu quả. Qua đây cho thấy, ý thức công dân trong bảo vệ môi trường trên cơ sở ý thức cộng đồng được hình thành trong nhiều trường hợp còn hiệu quả hơn cả các quy định xử phạt của pháp luật.

Vốn xã hội phát triển cộng đồng nông thôn

Phát triển cộng đồng dựa vào tài sản và nguồn lực trong cộng đồng khởi điểm các tài sản và sức mạnh hiện có của cộng đồng, đặc biệt sức mạnh vốn có trong các hội, nhóm cộng đồng và mạng lưới xã hội trong cộng đồng. Vốn xã hội như là một tài sản cho phát triển cộng đồng.

Tầm quan trọng của mối quan hệ xã hội trong cộng đồng nhằm kết nối những hoạt động tại địa phương để tạo cơ hội cho mọi người dân trong cộng đồng tự nguyện tham gia. Bản thân khái niệm và bản chất của vốn xã hội đã bao hàm yếu tố cộng đồng, sự tương tác qua lại giữa các cá nhân hình thành mối quan hệ xã hội mới. Trong xã hội nông thôn Việt Nam, tính chất cộng đồng được coi trọng và xem như là một chuẩn mực mà bất cứ thành viên, cá nhân nào cũng phải tuân theo. Do vậy, các mạng lưới, sự tin cậy lẫn nhau tạo nên sự cố kết giúp cộng đồng có chung sức mạnh để phát triển.

Các chuyên gia cho rằng muốn phát triển và quản lý nông thôn hiệu quả phải dựa vào việc huy động vốn của cộng đồng, nhất là vốn xã hội. Trong thực tế vốn của cộng đồng nhất là cộng đồng nghèo lại không nhiều. Do vậy phải có các hành động nhằm gây dựng các vốn này nhất là vốn xã hội thì mới phát triển từ cộng đồng được. Theo đó, các nguyên tắc của phát triển và quản lý nông thôn dựa vào cộng đồng là tạo môi trường thể chế cơ bản như luật lệ, quy ước, hỗ trợ của nhà nước; củng cố các tổ chức cộng đồng, mạng lưới xã hội; tăng cường năng lực các tác nhân và khuyến khích sáng tạo bằng các biện pháp mềm dẻo (Đào Thế Tuấn, 2007).

Ngoài các vai trò ở một số nội dung nói trên, vốn xã hội còn được nhắc đến trong nhiều lĩnh vực khác như phát triển y tế, giáo dục, bảo tồn các giá trị văn hóa, nghệ thuật.v.v. mà bài viết chưa có điều kiện đề cập đến.

4. Kết luận

Nghiên cứu về vốn xã hội ở Việt Nam dù không còn là một chủ đề mới mẻ nhưng từ các kết quả nghiên cứu đề xuất việc vận dụng phát huy vai trò của vốn xã hội trong quản lý và phát triển xã hội thì vẫn còn mang tính thời sự. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng vốn xã hội có vai trò và tiềm năng lớn trong phát triển và điều này đã được kiểm chứng ở phạm vi toàn cầu (đối với các quốc gia phát triển).

Quản lý và phát triển xã hội nông thôn với mục đích là đảm bảo sự ổn định, phát triển bền vững về mọi mặt của đời sống của cộng đồng cư dân sinh sống ở địa bàn nông thôn. Nghiên cứu về vai trò của vốn xã hội ở khu vực nông thôn như đã đề cập ở một số nội dung nói trên hoàn toàn phù hợp với mục đích trong quản lý và phát triển nông thôn và cũng rất gần với các mục tiêu, định hướng trong mô hình phát triển nông thôn mới hiện đang triển khai trên phạm vi cả nước.

Do đó, trong bối cảnh phát triển của Việt Nam hiện nay nói chung và đặc biệt là khu vực nông thôn nói riêng, việc nghiên cứu và phát huy vai trò của yếu tố này trong các chương trình, chiến lược phát triển dựa trên cộng đồng là một giải pháp hữu hiệu hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Tài liệu trích dẫn

- Nguyễn Văn Tuấn. 2009. Vốn xã hội và nghiên cứu vấn đề vốn xã hội ở Việt Nam hiện nay. Tạp chí Khoa học Xã hội số 12 (36)-2009.
- Ngô Đức Thịnh. 2008. Tiếp cận nghiên cứu nông thôn Việt Nam từ mạng lưới xã hội và vốn xã hội cho phát triển. (<http://tapchicongsan.org.vn/Home/Nghiencuu-Traodoi/2008/1537/Tiep-can-nong-thon-Viet-Nam-tu-mang-luoi-xa-hoi-va.aspx>)
- Nguyễn Quang Tuấn. 2008. Vốn xã hội trong bảo vệ môi trường <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/nong-nghiep-nong-thon/2008/757/Phat-huy-von-xa-hoi-trong-bao-ve-moi-truong.aspx>
- Đào Thế Tuấn. 2007. http://agro.gov.vn/news/tID132_Phạt-trien-nong-thon-tong-hop-dua-vao-cong-dong.htm